

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

**BỘ LAO ĐỘNG
THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 04/2007/TT-BLĐTBXH

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2007

THÔNG TƯ**hướng dẫn quy trình rà soát hộ nghèo hàng năm**

Căn cứ Nghị định số 29/2003/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Quyết định số 42/2002/QĐ-TTg ngày 19/3/2002 của Thủ tướng Chính phủ "Về quản lý và điều hành các chương trình mục tiêu quốc gia";

Căn cứ Quyết định số 170/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 7 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành chuẩn hộ nghèo áp dụng trong giai đoạn 2006 - 2010;

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn quy trình rà soát hộ nghèo hàng năm như sau:

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Thông tư này hướng dẫn quy trình rà soát hộ nghèo hàng năm từ cơ sở (thôn/bản; xã/phường) nhằm xác định

đúng đối tượng hộ nghèo làm căn cứ để xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý hộ nghèo trên từng địa bàn.

2. Nguyên tắc rà soát hộ nghèo: đảm bảo tính chính xác; dân chủ, công bằng, công khai và có sự tham gia bình xét của người dân.

3. Thẩm quyền, trách nhiệm của các cấp trong rà soát hộ nghèo.

3.1. Cấp xã: UBND cấp xã lập ban chỉ đạo rà soát hộ nghèo bao gồm các trưởng thôn, bản và đại diện các chi hội đoàn thể ở thôn, bản để trực tiếp thực hiện rà soát hộ nghèo (gọi tắt là Ban chỉ đạo). Ban chỉ đạo cấp xã có nhiệm vụ:

- Phổ biến mục đích, yêu cầu của việc rà soát hộ nghèo.

- Trực tiếp rà soát hộ nghèo và tổ chức bình xét công khai, dân chủ.

- Đề nghị Ban chỉ đạo cấp huyện phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo của xã; trình Ủy ban nhân dân xã làm thủ tục

công nhận hộ thoát nghèo, hộ nghèo mới;

- Theo dõi biến động hộ nghèo trên địa bàn xã.

3.2. Cấp huyện (Phòng Nội vụ - Lao động):

- Đề xuất với Ủy ban nhân dân huyện kế hoạch rà soát, xác định hộ nghèo; phối hợp với các cơ quan có liên quan chỉ đạo việc rà soát hộ nghèo;

- Tổ chức thẩm định kết quả rà soát hộ nghèo do các xã gửi lên; trường hợp thấy số liệu phản ánh chưa đúng tình hình thực tế của địa phương, có thể tổ chức kiểm tra lại kết quả rà soát;

- Trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt danh sách hộ thoát nghèo, hộ nghèo mới, danh sách hộ nghèo trên địa bàn huyện, thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã công nhận và báo cáo Ban chỉ đạo giảm nghèo cấp tỉnh;

- Quản lý, theo dõi biến động hộ nghèo trên địa bàn huyện.

3.3. Cấp tỉnh (Sở Lao động - Thương binh và Xã hội):

- Đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh kế hoạch rà soát; thống nhất in ấn mẫu biểu rà soát trên địa bàn.

- Phối hợp với các cơ quan có liên quan chỉ đạo thực hiện việc rà soát;

- Trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kết quả rà soát hộ nghèo hàng năm và báo

cáo văn phòng Ban chỉ đạo giảm nghèo của Chính phủ (tại Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội);

- Quản lý và theo dõi biến động hộ nghèo trên địa bàn tỉnh.

II. QUY TRÌNH RÀ SOÁT HỘ NGHÈO

1. Công tác chuẩn bị rà soát hộ nghèo

a) Cấp tỉnh ban hành văn bản hướng dẫn kế hoạch, mẫu biểu rà soát hộ nghèo;

b) Lập Ban chỉ đạo cấp xã;

c) Tổ chức tập huấn rà soát hộ nghèo:

- Tập huấn cho thành viên Ban chỉ đạo cấp huyện.

- Cấp huyện tập huấn cho những người trực tiếp tham gia khảo sát (tổ chức tập huấn tập trung theo đơn vị hành chính với huyện có ít xã, hoặc theo cụm xã nếu huyện có nhiều xã).

- Ban chỉ đạo cấp xã phổ biến mục đích, yêu cầu của việc rà soát hộ nghèo tới các trưởng thôn, bản; đại diện các chi hội đoàn thể ở thôn, bản và người dân.

2. Xác định, lập danh sách hộ thuộc diện rà soát

a) Xác định hộ có khả năng thoát nghèo:

Tiến hành xem xét các tiêu chí có ảnh hưởng đến việc tăng thu nhập của từng

hộ nghèo trong danh sách hộ nghèo của xã và cho điểm (Phụ lục số 1). Hộ có tổng số điểm từ 10 trở lên là hộ có khả năng thoát nghèo và đưa vào danh sách để tiếp tục rà soát;

b) Xác định hộ có thu nhập dưới chuẩn nghèo:

Tiến hành xem xét các tiêu chí có ảnh hưởng đến giảm thu nhập, đời sống của từng hộ không thuộc diện hộ nghèo và cho điểm (Phụ lục số 2). Hộ có tổng số điểm từ 10 trở lên là hộ có thu nhập dưới chuẩn nghèo và bổ sung danh sách để tiếp tục rà soát.

c) Tổng hợp toàn bộ danh sách hộ có khả năng thoát nghèo và danh sách hộ có thu nhập dưới chuẩn nghèo thành danh sách rà soát hộ nghèo trên địa bàn.

3. Phương pháp và cách tổ chức rà soát hộ nghèo theo danh sách được lập.

- Khảo sát trực tiếp thu nhập của hộ thuộc diện rà soát (Phụ lục số 3).

+ Đối với các hộ không thuộc diện nghèo trước thời điểm rà soát, cần thu thập đầy đủ các thông tin nhân khẩu, lao động, việc làm, đất đai, tài sản của hộ gia đình; đối với hộ thuộc diện nghèo trước khi rà soát, chỉ bổ sung các thông tin về nhân khẩu, lao động, việc làm, đất đai, tài sản của hộ gia đình nếu có thay đổi so với năm trước.

+ Chỉ rà soát thu nhập của hộ trong vòng 12 tháng qua, để xác định thu nhập bình quân đầu người trong hộ so với chuẩn nghèo.

- Căn cứ vào số lượng hộ cần rà soát, Ban chỉ đạo cấp xã phân công người rà soát theo địa bàn thôn, bản, xác định thời gian rà soát và thời gian nghiệm thu phiếu rà soát.

4. Phân loại hộ sau rà soát và tổ chức bình xét hộ thoát nghèo, hộ nghèo mới

a) Nghiệm thu phiếu rà soát: Ban chỉ đạo cấp xã cùng giám sát viên kiểm tra mức độ sai lệch thông tin về nhân khẩu, lao động, việc làm, đất đai, tài sản của hộ; kiểm tra tính hợp lý của các số liệu cơ bản ghi trong phiếu, trong trường hợp phát hiện sai số về thu nhập của hộ thì có quyền yêu cầu rà soát lại;

b) Căn cứ vào kết quả rà soát (phiếu rà soát), Ban chỉ đạo cấp xã lập danh sách sơ bộ các hộ thuộc diện: hộ thoát nghèo và hộ nghèo mới;

c) Tổ chức họp dân để bình xét hộ thoát nghèo, hộ nghèo mới và lập danh sách chính thức hộ nghèo qua bình xét.

Chủ trì hội nghị là trưởng thôn, bản; tham gia hội nghị bao gồm đại diện Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã, cán bộ theo dõi giảm nghèo xã, Bí thư Chi bộ, Chi hội trưởng các chi hội đoàn thể, thôn, bản,

các hộ có tên trong danh sách đưa ra bình xét, đại diện các hộ trong thôn, bản (hội nghị phải có trên 50% đại diện hộ gia đình tham dự).

Việc bình xét theo nguyên tắc công khai, dân chủ, khách quan và phải lấy ý kiến biểu quyết (giơ tay hoặc bỏ phiếu); kết quả biểu quyết phải có trên 50% số người tham dự đồng ý mới được đưa vào danh sách đề nghị: hộ thoát nghèo, hộ nghèo mới.

Kết quả bình xét phải ghi vào biên bản. Biên bản và danh sách hộ nghèo qua bình xét được lập thành 02 bản, có chữ ký của trưởng thôn, bản, thư ký cuộc họp, 01 bản lưu ở thôn/bản, 01 bản gửi Ban chỉ đạo rà soát hộ nghèo cấp xã (Phụ lục số 4).

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Việc rà soát hộ nghèo phải được thực hiện vào tháng 11 hàng năm, chậm nhất đến ngày 15 tháng 12 hàng năm, Ban chỉ đạo giảm nghèo cấp tỉnh phải báo cáo kết quả rà soát hộ nghèo trên địa bàn cho Ban chỉ đạo giảm nghèo của Chính phủ.

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các tỉnh, thành phố gửi ý kiến về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để có hướng dẫn, bổ sung kịp thời./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Đàm Hữu Đắc

09674383

Phụ lục số 1

KẾT QUẢ NHẬN DẠNG NHANH HỘ CÓ KHẢ NĂNG THOÁT NGHÈO (T1)

Xã/Phường: Tổng số tờ:
 Xóm, thôn, bản/tổ dân phố: Tờ số:

STT	Hộ nghèo trong danh sách năm gốc (ví dụ 2005), các hộ nghèo tách, nhập, không bao gồm hộ nghèo đã di chuyển	Thay đổi tình trạng lao động, việc làm và mức sống của hộ gia đình (năm 05 - 06)							Tổng số điểm	Hộ có khả năng thoát nghèo (đánh dấu X vào những hộ có tổng số điểm từ 10 điểm trở lên)		
		Có thêm lao động có hoạt động tạo thu nhập ổn định từ 500 ngàn đồng/tháng trở lên ở nông thôn, hoặc có người đi lao động XK sau 18 tháng	Tăng nhanh thu nhập từ việc làm hiện tại hoặc có việc làm mới hay có thêm việc làm khác từ 6 tháng trở lên	Mua sắm đầu tư, nâng tổng giá trị > = 5 tr đ đối với công cụ SXKD hay > = 10 tr đ đối với đàn gia súc gia cầm (từ TN của hộ)	Nhà ở được cải thiện rõ rệt (từ thu nhập của hộ) hoặc làm mới tốt hơn nhà cũ trước đây	Mua sắm thêm tài sản lâu bền có giá trị từ 1 triệu trở lên (từ thu nhập của hộ)	Tăng diện tích đất canh tác [cứ tăng thêm 1 sào (360m ²) được tính thêm 1 điểm]	Điều kiện sống thay đổi như điện, nước SH, nhà vệ sinh, ... được cải thiện rõ rệt từ nguồn thu nhập của hộ			Có nguồn thu nhập tăng đột biến (đền bù đất; trúng số trên 10 triệu, được mùa liên tiếp 2 năm, ...)	Rủi ro trong gia đình đã qua ít nhất 12 tháng (khỏi bệnh, người bệnh nặng qua đời, khắc phục rủi ro về SKKD)
	Điểm	8	6	6	5	4	3	3	3			
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1												
2												
3												

09674383

Ghi chú:

- Hộ có tổng số điểm từ 10 điểm trở lên đánh dấu X vào cột 11 là hộ có khả năng thoát nghèo, đưa vào danh sách T1.

- Hộ có khả năng thoát nghèo: là hộ nghèo đầu kỳ kế hoạch, nhưng trong năm hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả nên thu nhập bình quân đầu người/tháng người/tháng có khả năng cao hơn chuẩn nghèo.

- Hộ thoát nghèo: là hộ nghèo đầu kỳ kế hoạch nhưng do được hỗ trợ các chính sách, dự án giảm nghèo nên qua rà soát có thu nhập bình quân đầu người/tháng cao hơn chuẩn nghèo, được thôn/bản bình xét ra khỏi danh sách hộ nghèo và được UBND cấp xã công nhận.

Giám sát viên
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm 200.....
Đại diện ban chỉ đạo rà soát hộ nghèo xã
(Ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục số 2

KẾT QUẢ NHẬN DẠNG NHANH HỘ CÓ THU NHẬP DƯỚI CHUẨN NGHÈO (T2)

Xã/Phường: Tổng số tờ:

Xóm, thôn, bản/tổ dân phố: Tờ số:

TT	Hộ không nghèo năm gốc (ví dụ 2005), bao gồm cả hộ đi cư đến, hộ khôngnghèo tách, nhập trong năm	Các biến cố xảy ra trong năm 2005 - 2006								Hộ có khả năng rơi xuống nghèo (đánh dấu X vào hộ có tổng số điểm từ 10 điểm trở lên)	
		Mất nguồn thu nhập chính do bị mất mùa, thiên tai, dịch bệnh, rủi ro trong SXKD... mà không có khả năng phục hồi và thiếu nguồn hỗ trợ từ họ hàng, người thân	Lao động chính chết hoặc mất khả năng lao động lâu dài làm ảnh hưởng nghiêm trọng tới TN của hộ	Bán đất lo cho người bị ốm đau, bệnh nặng kéo dài hàng tháng	Có trẻ em trong độ tuổi đi học phải bỏ học vì không có tiền	Hộ có người vướng vào ma túy, cờ bạc, nghiện rượu, trích hút... bệnh xã hội	Mới tách hộ hoặc thêm con nhỏ không có thêm nguồn thu nhập	Gặp rủi ro, phải bán đồ dùng gia đình, công cụ sản xuất để trang trái các bữa ăn hàng ngày	Một số rủi ro khác (như mất tài sản...)		Tổng số điểm
	Điểm	8	8	6	4	4	4	3	3	3	
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1											
2											
3											
...											

09674393

Ghi chú:

- Hộ có tổng số từ 10 điểm trở lên (đánh dấu X vào cột 10) là hộ có khả năng rơi xuống nghèo, đưa ra danh sách T2.

- Hộ có khả năng rơi xuống nghèo: là hộ không thuộc danh sách hộ nghèo đầu kỳ kế hoạch, nhưng do những tác động khách quan, chủ quan nên thu nhập có khả năng giảm xuống thấp hơn chuẩn nghèo hoặc các hộ mới tách hoặc di chuyển từ nơi khác đến.

- Hộ nghèo mới: là những hộ không thuộc danh sách hộ nghèo đầu kỳ kế hoạch, hộ mới tách, hộ mới di chuyển từ nơi khác đến qua rà soát có thu nhập thấp hơn chuẩn nghèo và được thôn/bản bình xét đưa vào danh sách hộ nghèo và được UBND cấp xã công nhận.

Ngày tháng năm 200.....
Đại diện Ban chỉ đạo rà soát hộ nghèo xã
(Ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục số 3

Thôn/bản

Xã/phường

Huyện, quận

Tỉnh, thành phố

PHIẾU RÀ SOÁT HỘ NGHÈO HÀNG NĂM

1. Hộ và tên chủ hộ rà soát:

2. Những thay đổi về tình trạng lao động, việc làm, đất đai, tài sản của hộ:

- Sự thay đổi về nhân khẩu, tình trạng lao động, việc làm và mức sống của hộ gia đình, lý do:

- Sự thay đổi tăng, giảm về đất đai, tài sản, lý do:

3. Tình hình thu nhập của hộ 12 tháng qua

3.1. Tổng thu và tổng chi cho hoạt động SXKD dịch vụ

Đơn vị: 1.000 đồng

Nguồn thu	Tổng thu	Tổng chi
1. Trồng trọt (tính cả SP bán ra và SP tiêu dùng trong gia đình)		
- Cây lương thực và thực phẩm		
- Cây công nghiệp		
- Cây ăn quả		
- Sản phẩm phụ trồng trọt (thân, lá, ngọn cây, rơm, rạ, củi...)		
- SP trồng trọt khác		
2. Chăn nuôi (tính cả SP bán ra và SP tiêu dùng trong gia đình)		
- Gia súc		
- Gia cầm		
- SP khác (trứng, sữa tươi, kèn tằm, mật ong nuôi, con giống...)		

Nguồn thu	Tổng thu	Tổng chi
3. Hoạt động dịch vụ nông nghiệp		
4. Lâm nghiệp (tính cả SP bán ra và SP tiêu dùng trong gia đình) và dịch vụ lâm nghiệp		
5. Thủy sản (tính cả SP bán ra và SP tiêu dùng trong gia đình) và dịch vụ thủy sản		
6. Các dịch vụ SXKD dịch vụ phi NN (tính cả SP bán ra và SP tiêu dùng trong gia đình)		
7. Tiền lương, tiền công		
8. Các khoản khác (gồm các khoản: thu từ hái lượm, quà tặng, tiền gửi về từ bên ngoài, lãi tiết kiệm, tiền cho thuê nhà, lương hưu, trợ cấp...)		
Tổng cộng		

3.2. Thu nhập của hộ gia đình

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Chỉ tiêu	Giá trị
1. Tổng thu nhập của hộ gia đình (Tổng thu- tổng chi)	
2. Thu nhập bình quân/người/tháng (Tổng thu nhập/số nhân khẩu/12 tháng)	

4. Dự kiến đưa vào danh sách:

- Bình xét hộ thoát nghèo
- Bình xét hộ nghèo mới

Ghi chú: đánh dấu X vào ô tương ứng.

Ngày..... tháng năm 200.....

Rà soát viên
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Ngày tháng năm 200.....

Đại diện BCD rà soát hộ nghèo xã/phường
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Phụ lục số 4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Tỉnh (thành phố)..... Huyện (thị):.....
Xã (phường)..... Thôn (xóm):.....

BIÊN BẢN HỘI NGHỊ THÔN/XÓM
V/v bình xét hộ thoát nghèo, hộ nghèo mới

Hội nghị họp vào hồi giờ..... phút, ngày..... tháng năm

Địa điểm:

Thành phần bao gồm: người (có danh sách)

- Đại diện Thôn, đoàn thể: 1.....
2.....

Số hộ gia đình đại diện có mặt: hộ

Chủ trì: Chức vụ:

Thư ký:

Nội dung họp

1. Toàn thể hội nghị nghe ông (bà) là Trưởng thôn thông qua kết quả cuộc rà soát hộ nghèo năm 200... của thôn (có danh sách kèm theo).

2. Các ý kiến phát biểu thảo luận (ghi lại các ý kiến phát biểu):

3. Hội nghị thống nhất kết luận:

a) Những hộ được bình xét thoát nghèo:

b) Những hộ được bình xét là hộ nghèo mới:

c) Thông qua danh sách gồm: hộ thoát nghèo, hộ nghèo mới

Hộ thoát nghèo				Hộ nghèo mới			
Số TT	Họ tên chủ hộ	Mức TN qua rà soát	Kết quả biểu quyết	Số TT	Họ tên chủ hộ	Mức TN qua rà soát	Kết quả biểu quyết

d) Các ý kiến chưa nhất trí và kiến nghị: (ghi rõ các ý kiến chưa nhất trí)

Hội nghị kết thúc giờ, phút cùng ngày. Biên bản làm thành 02 bản, 01 bản lưu thôn, 01 bản lưu xã.

Thư ký

Đại diện hộ

Đại diện đoàn thể

Chủ trì
(Trưởng thôn)

09674383